

VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ 1992 ĐẾN 2003

TRẦN ĐĂNG KẾ*

Thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH)* năm 1991, *Luật đất đai* ban hành năm 1987 được sửa đổi bổ sung bằng *Luật đất đai năm 1993*. Thực hiện *Luật đất đai năm 1993*, vấn đề ruộng đất ở Việt Nam nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng đã được giải quyết một cách tương đối hiệu quả, đem lại những thành quả quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược về kinh tế nông nghiệp. Nội dung cơ bản của giải quyết vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL trong thời gian này như thế nào, bài viết của chúng tôi sẽ góp phần làm rõ vấn đề đó.

1. Vì sao phải tiến hành giải quyết vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL

Đồng bằng sông Cửu Long, còn gọi là Tây Nam Bộ, gồm 13 tỉnh thành: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và Thành phố Cần Thơ; diện tích tự nhiên gần 40.602,3km², chiếm 12,8% diện tích cả nước; dân số trên 17.695 người (1). Đây là vùng kinh tế trọng điểm, là khu vực sản xuất lúa gạo, cung cấp nông sản hàng hóa chiếm tới 50% tổng sản phẩm cả nước.

ĐBSCL được hình thành từ hai hệ thống sông chính: hệ thống sông Cửu Long (sông Mêkong) và Vàm Cỏ, với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, chứa lưu lượng phù sa bồi đắp rất lớn tạo dựng một vùng châu thổ phù sa phì nhiêu lớn nhất cả nước (khoảng 1.000.000ha), thích hợp cho việc canh tác lúa và nhiều loại cây trồng khác, đồng thời tạo cảnh quan môi trường thuận lợi cho phát triển du lịch sông nước, nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản và điều hòa khí hậu ở ĐBSCL.

Sau năm 1975, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tổ chức đánh giá toàn diện tình hình sử dụng ruộng đất ở ĐBSCL bằng các Nghị quyết 24 (2); 245 (3). Do chiến tranh kéo dài, ruộng đất ở ĐBSCL xáo trộn khá nhiều; tàn dư chiếm hữu ruộng đất phong kiến trong nông thôn ĐBSCL chưa được giải quyết triệt để. Nhiều ruộng đất do chủ bỏ trốn ra nước ngoài chưa được tổ chức quản lý. Từ tình hình thực tiễn, căn cứ vào chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, các cấp chính quyền ĐBSCL triển khai thực hiện chủ trương chung là giữ nguyên canh, thực hiện điều chỉnh ruộng đất, cấp đất cho các hộ chưa có đất hoặc thiếu đất canh tác.

*ThS. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

Bảng 1: Diện tích ruộng đất được điều chỉnh cấp cho hộ không ruộng và ít ruộng năm 1977

Tỉnh	Diện tích chia cấp	Số hộ được chia cấp
Tiền Giang	10.527ha	8.618
Minh Hải (4)	3.000ha	2.800
Hậu Giang (5)	91.050ha	31.900

Nguồn: Việt Nam hướng tới thế kỷ XXI, Hà Nội, 2009; Nghị quyết số 125-CP ngày 28 tháng 6 năm 1971 của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc tăng cường công tác quản lý ruộng đất, Hà Nội, 1971; Quyết định số 188/CP ngày 25 tháng 9 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách xoá bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam Việt Nam, Hà Nội, 1976.

Bảng 2: Số hộ không ruộng và thiếu ruộng tính đến tháng 9-1978

Tỉnh	Số hộ không ruộng	Số hộ thiếu ruộng
Kiên Giang	6,5%	20%
Minh Hải	4%	15%
An Giang	41,78%	38%

Nguồn: Nghị quyết số 125-CP ngày 28 tháng 6 năm 1971 của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc tăng cường công tác quản lý ruộng đất, Hà Nội, 1971, tr.48; Quyết định số 188/CP ngày 25 tháng 9 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách xoá bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam Việt Nam, Hà Nội, 1976, tr.59.

Thực hiện Chỉ thị 236-CT/TW, tháng 9-1976 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về giải quyết vấn đề ruộng đất ở miền Nam, tháng 9-1976 Chính phủ có Quyết định số 188-CT/CP về xoá bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền Nam. Chủ trương này đã góp phần đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh ruộng đất ở miền Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng. Quỹ đất dùng để điều chỉnh là từ ruộng đất thu hồi ruộng vắng chủ, ruộng đất của những chủ hộ có nhiều đất và một phần từ đất chưa sử dụng, đất khai hoang; tập trung ở các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Minh Hải (xem bảng 1).

Việc điều chỉnh ruộng đất đã đạt được một số kết quả nhất định, phù hợp với đường lối cách mạng của Đảng đề ra là “nông dân có ruộng cày”; song ở nông thôn ĐBSCL tỷ lệ hộ nông dân không có ruộng và thiếu ruộng đất sản xuất vẫn chiếm tỷ lệ

cao. Ở nhiều vùng còn đến 20 - 30% số hộ nông dân không có ruộng đất (xem bảng 2).

Tiếp tục thực hiện chủ trương xoá bỏ các hình thức bóc lột về ruộng đất của phú nông, tư sản nông thôn, triệt để xoá bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến, đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ, Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 75-CT/TƯ ngày 15-11-1978; Quyết định số 319-CP ngày 14-12-1978; Chỉ thị 100-CT/TƯ ngày 13-01-1981 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp và Chỉ thị 19 (tháng 5-1983) về điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp Nam Bộ. Các tỉnh Nam Bộ tiếp tục thực hiện điều chỉnh ruộng đất của 40% số hộ trung nông có ruộng đất cao hơn mức bình quân ở địa phương (xem bảng 3).

Đến năm 1982, qua 6 năm (1976-1982) thực hiện điều chỉnh ruộng đất, các tỉnh Nam Bộ đã rút trên 270.000 ha ruộng đất, gần bằng 1/10 diện tích canh tác để chia, cấp cho những hộ nông dân không có và thiếu đất.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng khoá VI, ngày 29-12-1987, Quốc hội thông qua Luật đất đai. Luật đất đai năm 1987 ban hành là một sự tiến bộ, tháo gỡ những vướng mắc trong mối quan hệ giữa chế độ quản lý đất đai với việc phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần quan trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần khai thác các nguồn lợi từ đất nâng cao đời sống nhân dân. Đối với ĐBSCL, việc giải quyết vấn đề ruộng đất đã mang lại hiệu quả tốt, diện tích, sản lượng lương thực, nuôi trồng thủy sản đều tăng. Không chỉ đóng góp quan trọng cho thu nhập quốc dân mà còn góp phần nâng cao đời sống nhân dân, xuất khẩu thu ngoại tệ.

Bảng 3: Thống kê diện tích đất hiến, thu, cấp và điều chỉnh ở ĐBSCL tính đến năm 1982

Tỉnh	Diện tích đất hiến và thu	Số hộ được cấp	Diện tích đất điều chỉnh
Tiền Giang	12.000ha	13.300	14.430ha
Đồng Tháp	10.300ha	7.799	67.769ha
Bến Tre	308ha	7.306	
An Giang			16.000ha
Hậu Giang			33.588ha

Nguồn: Tổng cục thống kê: Việt Nam hướng tới thế kỷ XXI, Hà Nội, 2009, tr. 51.

Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn thực hiện *Luật đất đai năm 1987* đã bộc lộ những hạn chế. *Luật đất đai năm 1987*, quy định đất đai thuộc sở hữu Nhà nước nhưng chưa phân định rõ vai trò người đại diện chủ sở hữu, chưa xác định về quyền của người sử dụng ruộng đất. Chủ trương của Đảng, Nhà nước là tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất, không ngừng mở rộng diện tích và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhưng quy định về mức hạn điền trong *Luật đất đai năm 1987* lại chưa phù hợp ở ĐBSCL. Luật đất đai là văn bản cơ bản nhất của chính sách đất đai mà Đảng, Nhà nước xây dựng, nhưng lại chưa thể hiện được chính sách tài chính về đất đai và các quan hệ liên quan đến đất đai...

Những hạn chế của *Luật đất đai năm 1987* và Chỉ thị 100 dẫn đến hiện tượng nhiều cấp uỷ Đảng ở địa phương đã chủ động chuyển sang khoán gọn và sau đó được Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (tháng 4-1988) xác nhận và được gọi là Khoán 10 (6). Một thực tế là những năm cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 trong nông thôn ĐBSCL, đã diễn ra quá trình khủng hoảng và tan rã mô hình hợp tác xã (HTX), tập đoàn sản xuất (TĐSX), đồng thời quá trình tích tụ ruộng đất, kinh tế hộ phát triển mạnh mẽ. Số lượng kinh tế hộ tăng nhanh. Đến cuối năm 1993, ở ĐBSCL có 2.328 đơn vị kinh tế hộ, chiếm 22,6% tổng số hộ cả nước; riêng An Giang có khoảng 30% số hộ

sản xuất hàng hóa, 50% số hộ sản xuất tự túc, 20% số hộ sản xuất không đủ ăn. Với những chủ trương đổi mới của Đảng, Nhà nước về vấn đề đất đai, bên cạnh việc nông dân gắn bó hơn với ruộng đất, sản xuất được đẩy mạnh, sản xuất lương thực tăng nhanh, đời sống của nông dân ở nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực. Song cùng thời gian này do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân lợi ích kinh tế từ ruộng đất mang lại, vấn đề phân chia đất đai theo hình thức cào bằng, đại trà đã dẫn đến tình trạng xáo trộn lớn về sở hữu ruộng đất trong nội bộ nông dân, đặc biệt là tầng lớp trung nông ở ĐBSCL, dẫn đến tình trạng tranh chấp, khiếu kiện về ruộng đất.

Tình hình tranh chấp ruộng đất diễn ra từ năm 1986 và lan ra khắp cả nước, mức độ ở từng vùng có khác nhau, nhưng tập trung nhất, phổ biến nhất là ở ĐBSCL. Nhiều tỉnh, huyện do cơ sở không giải quyết thấu đáo để bà con tổ chức thành từng nhóm, từng đoàn kéo về các cơ quan Trung ương, Chính phủ có trụ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh, thậm chí ra Hà Nội để đòi hỏi về ruộng đất. Theo thống kê của các cơ quan Trung ương và các tỉnh, chỉ tính 8 tháng đầu năm 1989, ở Nam Bộ có đến 59.505 đơn khiếu kiện của nông dân đòi lại ruộng đất cũ đã bị điều chỉnh qua các đợt hợp tác hóa từ năm 1978 đến 1984 (7). Tranh chấp ruộng đất diễn ra tập trung nhất là các tỉnh có nhiều ruộng đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, ở An Giang, năm 1987 có

28.000 đơn (8); Đồng Tháp từ năm 1988 đến năm 1999, toàn tỉnh có 31.619 đơn (9); tỉnh Tiền Giang tình hình tranh chấp ruộng đất lan rộng ra toàn tỉnh năm 1988 với trên 4.500 đơn (10). Đáng chú ý là việc tranh chấp, khiếu kiện đất đai ở nhiều nơi đã dẫn đến thiệt hại về người và tài sản, không ít vụ đã bị các thế lực phản động lợi dụng, xuyên tạc chính sách của Đảng, Nhà nước, kích động gây bạo loạn. Yêu cầu bức thiết đặt ra là cần phải đổi mới đường lối trong việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. Thực hiện giải quyết vấn đề ruộng đất ở Đồng bằng sông Cửu Long

Giải quyết vấn đề ruộng đất theo Luật đất đai năm 1993 và chính sách ruộng đất của Đảng, Nhà nước

Xuất phát từ thực tiễn tình hình như nêu trên, thực hiện nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH năm 1991 và Hiến pháp 1992, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua và ban hành *Luật đất đai năm 1993*. Sau khi *Luật đất đai năm 1993* ra đời, từ năm 1993 - 2003 do tình hình có nhiều biến động, Quốc hội đã ban hành Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của *Luật đất đai năm 1998* và các cơ quan thuộc Chính phủ đã xây dựng, ban hành trên 200 văn bản dưới luật cụ thể hóa nội

dung của luật, tiếp tục khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý.

Luật đất đai năm 1993 cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện luật, các chỉ thị, nghị quyết... đã góp phần hình thành cơ bản chính sách pháp luật về đất đai của Đảng, Nhà nước.

Chính sách ruộng đất thời gian này thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối vấn đề tam nông (nông nghiệp - nông thôn - nông dân). Các văn bản pháp luật về đất đai như: cấp Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quy định về phát triển kinh tế trang trại, quy định về hồ sơ chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất... đều tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội ĐBSCL đến năm 2010, tầm nhìn 2015. Sau khi *Luật đất đai năm 1993* ra đời, các tỉnh ĐBSCL đã sớm triển khai hơn các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý sử dụng đất đai và nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan quy định về vấn đề thực hiện chính sách đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai như *Bộ luật dân sự*, *Bộ luật hình sự*, *Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp*,... cùng các hướng dẫn thi hành (xem bảng 4).

Các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai nhìn chung sát với thực tiễn hơn. Song, trên thực tế chính sách và pháp luật đất đai triển khai thực hiện trên toàn quốc cũng như ở ĐBSCL vẫn có nhiều điểm bất cập so với các văn bản luật khác và các chính sách chính sách kinh tế xã hội. Điểm chính của các bất cập ở giai đoạn này là:

Trong một quốc gia, chỉ với thời gian mười năm mà có nhiều văn bản liên quan đến pháp luật đất đai, điều đó nói lên tính hai mặt của việc giải

Bảng 4: Thống kê văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai (11)

TT	Văn bản, cấp ban hành	Số lượng
1	Luật - Quốc hội	04
2	Pháp lệnh	08
3	Nghị quyết Quốc hội	01
4	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	03
5	Nghị quyết của Chính phủ	03
6	Nghị định Chính phủ	68
7	Quyết định của Chính phủ	23
8	Chỉ thị của Thủ tướng	16
9	Thông tư của Tổng cục địa chính	11
10	Thông tư liên bộ	25
11	Thông tư của các bộ	23
12	Quyết định ngành	09

quyết “vấn đề đất đai”, đó là: *Thứ nhất*, tính ổn định của pháp luật đất đai còn hạn chế; *Thứ hai*, thể hiện sự nỗ lực cố gắng của Đảng, Nhà nước và các cơ quan ban ngành nhằm hoàn thiện pháp luật đất đai, từng bước tháo gỡ những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện.

Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, có quyền sử dụng, quyền định đoạt và quyền hưởng lợi từ đất, đồng thời thống nhất quản lý nhà nước về đất đai. Nhưng việc phân định để các cấp đại diện lợi ích hợp pháp của Nhà nước, thực hiện quản lý chưa thống nhất. Mỗi tỉnh, mỗi địa phương áp dụng khác nhau, vận dụng theo hướng thuận lợi cho cấp quản lý.

• Nguồn thu tài chính về đất chủ yếu được bố trí sử dụng ở địa phương; song do các quy định về sử dụng nguồn tài chính này chưa cụ thể, thiếu chặt chẽ dẫn đến tình trạng thu chưa đúng, chưa đủ và tình trạng sử dụng sai mục đích diễn ra khá phổ biến.

Công tác lập bản đồ địa chính và quy hoạch ruộng đất ở các tỉnh ĐBSCL không sát thực địa dẫn đến khi triển khai trên thực địa có nhiều khó khăn, ảnh hưởng nhiều đến thực hiện các luật khác. Nhiều tỉnh thành như Trà Vinh, Cần Thơ, Tiền Giang sau khi Chính phủ duyệt quy hoạch được thời gian ngắn đã phải xin điều chỉnh quy hoạch...

Để cụ thể hóa chính sách quản lý đất đai, Ủy ban Nhân dân (UBND) các tỉnh ĐBSCL đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Trung ương ở địa phương; tạo lập cơ sở pháp lý quan trọng trong việc tổ chức, thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng ruộng đất phù hợp tình hình phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng ở ĐBSCL, đó là: Các tỉnh đã tập trung lập bản đồ địa chính, lập quy hoạch sử dụng ruộng đất, quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất; về lệ phí đăng ký giao dịch, phí đo đạc; quy định mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; mức giá các loại đất; Về việc thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng, qua các năm theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nhằm từng bước quản lý đất đai chặt chẽ từ thực địa đến sổ sách.

Xác định được các giải pháp ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) không đúng quy định của pháp luật; xây dựng Quy chế tiếp công dân và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân trên địa bàn; Quy định về công tác giải quyết tranh chấp đất đai, nhất là tranh chấp đất đai ở vùng có đồng bào Khmer sinh sống.

Cụ thể hóa về Quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Bảng 5: Thống kê số lượng văn bản các tỉnh ở ĐBSCL đã ban hành liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai

TT	Văn bản, cấp ban hành	Số lượng tỉnh, thành phố
1	Nghị quyết của Tỉnh ủy về giải quyết vấn đề quy hoạch ruộng đất	13/13
2	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về qui hoạch ruộng đất	13/13
3	Quy hoạch ruộng đất được Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn	13/13
4	Hướng dẫn về giải quyết khiếu nại, tố cáo	13/13
5	Quy định về tiếp công dân	13/13
6	Quy định về lệ phí cấp giấy QSDĐ	13/13
7	Quy định về tái định cư khi thu hồi đất	13/13
8	Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất	13/13
9	Quy định lệ phí đăng ký giao dịch, phí đo đạc; quy định mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; mức giá các loại đất	13/13
10	Tổ chức kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng	13/13

Nguồn: Tác giả thống kê trên cơ sở các văn bản các tỉnh đã ban hành từ năm 1993-2003

Bảng 6: Diện tích đất phân theo địa phương năm 2000 ở ĐBSCL (12)

Tổng diện tích toàn vùng	Đất đã sử dụng	Đất chưa sử dụng	Đất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp có rừng	Đất chuyên dùng	Đất ở	Đất chưa sử dụng, đất sông, suối, núi đá
3.971.232 ha, chiếm 12,06%	3.632.851 ha	338.381 ha	2.970.334 ha (chiếm 9,02%)	337.688 ha (chiếm 1,03%)	223.516 ha (chiếm 0,68%)	101.313 ha (chiếm 0,31%)	338.381 ha (chiếm 1,03%)

Bảng 7: Diện tích đất phân theo tỉnh, thành năm 2000 ở ĐBSCL (13)

Loại đất / Tỉnh	Tổng diện tích	Đất đã sử dụng	Đất chưa sử dụng	Đất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng
Long An	449.187ha (chiếm 1,36%)	416.202 ha	32.985 ha	331.286 ha	45.374 ha	28.574 ha
Đồng Tháp	323.805 ha (chiếm 0,98%)	300.730 ha	23.074 ha	249.377 ha	14.315 ha	21.439 ha
An Giang	340.623 ha (chiếm 1,03%)	314.101 ha	26.522 ha	256.179 ha	11.789ha	6.298 ha
Tiền Giang	236.663 ha (chiếm 0,72%)	213.303 ha	23.360 ha	181.505 ha	8.265ha	15.887 ha
Vĩnh Long	147.520ha (chiếm 0,45%)	131.572 ha	15.948 ha	119.659 ha		7.492 ha
Bến Tre	231.502ha (chiếm 0,70%)	191.858 ha	39.644 ha	167.301 ha	6.163ha	11.389 ha
Kiên Giang	626.904ha (chiếm 1,90%)	570.920 h	55.984 ha	402.644 ha	122.774ha	35.412 ha
Cần Thơ	298.561ha (chiếm 0,91%)	284.776 ha	13.785 ha	254.581 ha	3.356 ha	18.044 ha
Trà Vinh	222.567ha (chiếm 0,68%)	199.919 ha	22.648 ha	182.050 ha	5.670 ha	8.986 ha
Sóc Trăng	322.330 (chiếm 0,98%)	297.454 ha	24.876 ha	210.577 ha	5.879 ha	13.312 ha
Bạc Liêu	252.063 ha	233.282 ha	18.781 ha	210.577 ha	5.879 ha	13.312 ha
Cà Mau	519.507 ha	478.734 ha	40.773 ha	351.344 ha	104.816ha	17.072 ha

(GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn và thực hiện một số việc cấp bách trong quản lý sử dụng đất của các tổ chức trong tỉnh được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (xem bảng 5).

Việc triển khai các văn bản của Đảng, Nhà nước và cụ thể hóa các văn bản để thực hiện ở các tỉnh ĐBSCL thời kỳ 1993 - 2003, cho thấy: Có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với vùng đất giàu tiềm năng trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh ĐBSCL, sản xuất được từ 14 đến 16 triệu tấn lương thực hàng năm đã góp phần cùng cả nước giải quyết tốt vấn đề lương thực, góp phần xuất khẩu lương thực thu ngoại tệ để phát triển sản xuất trong nội bộ ngành.

Mặc dù có tranh chấp, có khiếu kiện tập thể xảy ra ở 100% các tỉnh ĐBSCL nhưng về cơ bản chính sách, pháp luật về đất đai đã góp phần quan trọng làm cho người nông dân thấy được hiệu quả sử dụng ruộng đất. Đối với Đảng, Nhà nước, các cấp

chính quyền có thêm thực tế để nhìn nhận đúng bản chất vấn đề nông thôn, nông nghiệp, nông dân để có những văn bản ban hành phù hợp hơn, mang lại hiệu quả cao hơn.

Cũng như cả nước, vấn đề đặt ra ở đây trong quá trình giải quyết vấn đề đất đai là phải giải quyết tốt, nhìn nhận đúng mối quan hệ “sở hữu ruộng đất” với “vấn đề quyền sử dụng ruộng đất”. Những năm 1992 - 2003 là thời kỳ thể hiện rõ nhất sự tranh chấp liên quan đến hai quyền này. Đây là vấn đề mà các văn bản pháp luật về đất đai được ban hành tiếp theo của Đảng, Nhà nước hướng tới.

Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai ở ĐBSCL

- Về phân loại đất đai

Nhìn vào cơ cấu đất đai ở bảng 6 và 7 ta thấy, từ 1992 đến 2003, ở các tỉnh ĐBSCL diện tích đất đã được đưa vào sử dụng đạt tỷ lệ cao so với các vùng trong cả nước, cao nhất là các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang. Tỉnh có nhiều diện

tích đất nông nghiệp là: Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Long An, An Giang, Đồng Tháp. Tỉnh có nhiều diện tích đất lâm nghiệp là Cà Mau và Kiên Giang. Tỉnh có diện tích đất chuyên dùng cao là: Kiên Giang, An Giang, Long An, Đồng Tháp. Tỉnh có diện tích đất chưa sử dụng cao là: Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre (xem bảng 6 và bảng 7).

Với mục tiêu nắm chắc, quản lý chặt, đất đai được phân loại vừa căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu, vừa căn cứ vào địa bàn sử dụng đất. Điều này đã gây ra sự trùng lặp, chồng chéo về mặt pháp lý như: mỗi thửa đất trong khu dân cư nông thôn và đô thị bị chồng chéo bởi hai chế độ sử dụng đất do đất khu dân cư nông thôn, đất đô thị bao gồm đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất chuyên dùng và đất chưa sử dụng. Ngoài ra, việc phân loại đất chưa rõ là theo hiện trạng hay theo quy hoạch sử dụng đất, đã dẫn đến nhiều vướng mắc khi tính giá trị đất bồi thường trong khu vực đất quy hoạch xây dựng đô thị.

- Quản lý tài chính về đất

Luật đất đai năm 1993 chưa có quy định về hệ thống quản lý tài chính đất đai. Giá đất do Nhà nước quy định được sử dụng cho các mục đích: thu tiền sử dụng đất, thuế đất, phí, lệ phí liên quan đến đất và tính bồi thường thiệt hại về đất khi Nhà nước thu hồi. Hệ thống thuế liên quan đến đất bao gồm thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế bổ sung khi sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức, thuế nhà đất, thuế thuê đất. Tình hình quản lý tài chính về đất đai, chủ yếu là sử dụng công cụ hành chính mà chưa sử dụng công cụ điều tiết kinh tế cho phù hợp với quy luật kinh tế thị trường, hệ thống thuế chưa điều tiết được người có thu nhập cao từ kinh doanh bất động sản đã

gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước và địa phương.

Thị trường bất động sản ở các tỉnh ĐBSCL có vai trò quan trọng trong quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, song chưa được xây dựng và phát triển lành mạnh. Ngoài nhóm cung cầu về nhà đất, yếu tố đầu cơ hay thông tin tuyên truyền, giá nhà, đất trong trong thời gian từ năm 1993 - 2003 ở ĐBSCL tăng nhanh còn do nhóm nguyên nhân thuộc về chính sách của Nhà nước như: công bố quy hoạch mở rộng và phát triển đô thị, mở rộng đường sá, phát triển khu công nghiệp, xây dựng sân vận động, sân gôn, khu buôn bán thương mại, thay đổi về chính sách bồi thường thiệt hại, chính sách tài chính, vấn đề lãi suất tiền gửi ngân hàng,... Hơn nữa Nhà nước vẫn chưa có chính sách để quản lý và điều tiết hiệu quả lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

Tiến độ cấp GCNQSDĐ ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL còn chậm, thủ tục mua bán, chuyển nhượng nhà, đất phức tạp, mất nhiều thời gian, thậm chí xảy ra tiêu cực. Bên cạnh đó, mức thuế chuyển nhượng QSDĐ cũng như lệ phí trước bạ còn cao, không khuyến khích người sử dụng đất tích cực làm thủ tục trong quá trình mua bán, chuyển nhượng nhà, đất. Với hình thức mua bán này giá đất đã bị giới đầu cơ nhà đất lũng đoạn, vai trò điều tiết hướng dẫn của Nhà nước hầu như không có hoặc có rất mờ nhạt.

Mặt khác, việc thực hiện các quy định của *Luật đất đai năm 1993* cũng như các nghị định và các văn bản hướng dẫn còn nhiều sơ hở như: cho phép chuyển QSDĐ nông nghiệp cho cả những đối tượng không làm nông nghiệp với quy mô lớn, cho cấp

chính quyền phường, xã được xác nhận các loại hồ sơ giấy tờ có liên quan đến việc thay đổi hiện trạng sử dụng đất, cấp giấy phép rộng rãi song lại thiếu kiểm tra, xử lý các công ty trách nhiệm hữu hạn cũng như các doanh nghiệp tư nhân trong việc thực hiện các dự án nhà ở, nhất là trong san lấp mặt bằng thi công đường sá và các công trình kết cấu hạ tầng... Nhiều doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở của pháp luật đất đai để buôn bán đất ngay trên bản đồ quy hoạch, thi công kéo dài, ăn bớt diện tích xây nhà ở, không đảm bảo các quy định về kiến trúc,...

Vì vậy, việc hoàn chỉnh hệ thống tài chính về đất đai, kết hợp biện pháp hành chính với biện pháp điều tiết kinh tế, cải cách hệ thống thuế có liên quan đến đất đai trở nên cấp bách ở ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

- Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện Luật đất đai năm 1993, hầu hết các tỉnh ĐBSCL đến năm 1995 đã hoàn thành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đến năm 2010, tầm nhìn 2015 - 2020 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý nhà nước về đất đai, làm cơ sở quan trọng để điều chỉnh chính sách đất đai theo hướng sử dụng đất có hiệu quả. Công tác này đã bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại mỗi địa phương, chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển các ngành, các lĩnh vực, đặc biệt là cho phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSCL. Qua công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ủy ban nhân dân các cấp đã dự tính được nguồn thu từ đất đai cho ngân sách Nhà nước và địa phương.

Song, việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời gian từ năm 1993 đến năm 1995 do làm gấp, để đảm bảo tiến độ nhưng lại chưa có kinh nghiệm nên ngay sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phần lớn các tỉnh ĐBSCL từ năm 1996 đã đề nghị Chính phủ duyệt điều chỉnh, gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Thực thi chính sách giao đất, cho thuê đất

Công tác giao đất, cho thuê đất từ năm 1993 đến năm 2003 ở ĐBSCL đã đáp ứng yêu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, tỉnh, song cũng như tình hình chung trên cả nước, thủ tục còn rườm rà, thiếu kiểm tra xem xét khi có quyết định giao đất, cho thuê đất đối với dự án đầu tư. Do đó, tình trạng giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền, sử dụng đất sai mục đích được giao, được thuê xảy ra khá phổ biến trong toàn vùng, nhất là ở Thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang, Kiên Giang nơi có nhiều dự án đầu tư.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, việc thi hành được tổ chức theo những cách khác nhau dẫn đến phức tạp khi xây dựng chính sách vĩ mô. Ở các tỉnh phía Bắc, thừa kế thành quả giao đất cho hộ nông dân theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị nên khi thực hiện Nghị định không phải điều chỉnh nhiều về ruộng đất. Ở các tỉnh phía Nam, nhất là ĐBSCL việc triển khai thực hiện Nghị định này trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất được xác lập trong quá trình thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước sau năm 1975 và đặc biệt là trong những xáo trộn về sử dụng đất còn trở nên phức tạp

hơn nhiều khi trong thời gian chiến tranh biên giới Tây Nam (1975-1979), Nhà nước Việt Nam phải đưa một bộ phận dân cư lùi vào tuyến sau (về các tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long,...). Sau chiến tranh họ quay trở lại thì ruộng đất đã bị xáo trộn.

Mặt khác, bên cạnh những tác dụng tích cực, việc cấp GCNQSDĐ nông nghiệp còn làm cho diện tích đất trở nên manh mún, phân tán. Theo thống kê của ngành nông nghiệp, cả nước có khoảng 75 - 100 triệu thửa đất, mỗi hộ gia đình bình quân từ 5 - 15 thửa đất, thậm chí lên tới 25 - 30 thửa. Ở ĐBSCL có khác, nhưng vẫn còn khá manh mún, không thích hợp cho việc tổ chức cơ giới hóa nông nghiệp khi thực hiện cơ chế khoán ruộng đất. Để giải quyết tình hình này nhiều tỉnh ĐBSCL đã vận động nông dân dồn thửa, nhằm tạo thuận lợi cho canh tác, tiến tới phân vùng sản xuất nông nghiệp.

Việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cùng với việc cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp đã có chuyển biến rõ rệt. Thời điểm năm 2001 cả nước đã giao xấp xỉ 10 triệu ha, đạt 85% so với diện tích đất lâm nghiệp. Tổng diện tích đất lâm nghiệp năm 2001 là 11.823.747 ha, trong đó diện tích đã giao cho hộ gia đình là 5.400.000ha. Ở ĐBSCL đã giao 338.381 ha (14). Tuy nhiên, ở các tỉnh ĐBSCL việc giao đất rừng tiến độ còn chậm. Nguyên nhân là do:

- Chưa có quy hoạch xác định rõ ranh giới loại rừng, quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp chi tiết, chưa phân định ranh giới thửa trên thực địa nên không có cơ sở để giao, cấp GCNQSDĐ, nhất là ở vùng đất rừng Tháp Mười, vùng bán đảo Cà Mau, tứ giác Long Xuyên.

- Trong công tác tổ chức thực hiện chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa kiểm lâm và chính quyền địa phương. Chưa có chính

sách phù hợp cho người bảo vệ, trồng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng và phạm vi được khai thác đất rừng nên người sử dụng chưa có nhu cầu xin cấp GCNQSDĐ.

- Thay vì tiến hành giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân như trước đây, một số địa phương ở ĐBSCL đã tổ chức đấu giá QSDĐ, trái với quy định của Nhà nước.

- Thực thi chính sách thu hồi đất

Trong những năm 1993 - 1995, ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL công tác thu hồi đất được triển khai mạnh, phục vụ cho nhu cầu xây dựng các dự án, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, quá trình này còn nhiều bất cập, cụ thể là: giải quyết vấn đề giá trị bồi thường chưa hợp lý, quỹ nhà ở phục vụ cho công tác tái định cư chưa được xây dựng và chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân đã gây nên tình trạng khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ các dự án. Qua khảo sát, cả 10 dự án ở Thành phố Cần Thơ, Long An, An Giang, Tiền Giang đều có khiếu kiện của người dân do giá trị bồi thường chưa hợp lý, chênh lệch của đền bù so với giá thực tế trên thị trường bất động sản khoảng 30% làm cho người dân khó có thể chấp nhận.

- Đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ, quản lý các hợp đồng thuê đất, thống kê, kiểm kê đất đai

Việc đăng ký đất đai ở các tỉnh ĐBSCL thực hiện tương đối tốt. Đây là cơ sở để quản lý đất đai đến từng thửa, từng chủ sử dụng đất. Quy trình được thực hiện là: khi có sự thay đổi về hình dạng, kích thước, mục đích sử dụng, chuyển quyền sử dụng đất thì phải đăng ký biến động đất đai. Nhưng thực tế, việc đăng ký biến động đất đai chưa được các tỉnh ĐBSCL tổ chức thực hiện nên hệ thống hồ sơ đăng ký chưa được cập nhật thường xuyên.

Việc lập hệ thống hồ sơ địa chính, và cấp GCNQSDĐ là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý đất đai. Hệ thống này đã được các cấp chính quyền ở ĐBSCL quan tâm tổ chức thực hiện. Vì vậy, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp chính quyền địa phương xử lý, giải quyết các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, tranh chấp đất đai. Nhìn chung, tình hình vi phạm pháp luật đất đai đã giảm dần sau khi cấp GCNQSDĐ ở ĐBSCL.

Tuy nhiên, trong những năm từ 1993 đến 1998 tiến độ lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ cả nước nói chung và ĐBSCL nói riêng còn chậm; cả nước mới chỉ cấp hơn 7 triệu giấy chứng nhận cho hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên diện tích 3 triệu ha. Chính phủ đã ban hành nhiều chỉ thị: Chỉ thị số 110/1998/CT-TTg ngày 20-02-1998, Chỉ thị 18/1999/CT-TTg ngày 1-7-1999, với tinh thần giảm thủ tục hành chính, nhưng đảm bảo pháp luật. Tính đến năm 2003, cả nước có khoảng 92,7% số hộ gia đình và tổ chức sử dụng đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSDĐ với trên 97,8% tổng diện tích đất nông nghiệp. Vùng ĐBSCL việc cấp giấy chứng nhận chậm hơn do tình hình tranh chấp ruộng đất diễn ra khá phức tạp.

Việc lập hệ thống hồ sơ địa chính, và cấp GCNQSDĐ (theo Luật đất đai năm 1993) hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (theo Nghị định 60/CP) tại đô thị được triển khai ở nhiều tỉnh, thành phố nhưng kết quả đạt thấp. Cả nước đã cấp 946.500 giấy chứng nhận với tổng diện tích 14.600 ha (đạt 35% tổng số hộ và khoảng 25% diện tích đất ở tại các đô thị cần cấp GCNQSDĐ để quản lý), trong đó có 520.000 GCNQSDĐ (chiếm 54,9%) và 426.500 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất ở (15). Tỷ lệ này ở

ĐBSCL còn thấp hơn. Tình trạng trên đặt ra cho công tác quản lý đất đai về hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính, cấp GCNQSDĐ càng cấp bách hơn.

Công tác thống kê, kiểm kê đất đai được tiến hành theo đúng quy định, số liệu thống kê được công bố hàng năm trong niên giám thống kê, số liệu kiểm kê đất đai được báo cáo Chính phủ sát với tình hình, tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo của Chính phủ.

3. Nhận xét

- Giai đoạn 1992-2003, để góp phần phát triển kinh tế - xã hội việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL là nội dung đặc biệt quan trọng, vì đất đai là nguồn lực, là yếu tố động nhất trong triển khai thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của Đảng, Nhà nước ở vùng đất này. Để giải quyết những khó khăn về lương thực, thực phẩm cho cả nước thì việc giải quyết tốt vấn đề ruộng đất không chỉ tạo điều kiện cho phát triển sản xuất nhất là sản xuất lương thực, nuôi trồng thủy sản... mà còn góp phần quan trọng cho nguồn thu quốc dân và tích lũy xã hội.

- Những kết quả đã đạt được trong giải quyết vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL trong những năm từ 1992 đến 2003 cho thấy đường lối đổi mới của Đảng về chính sách ruộng đất được gắn với pháp luật về đất đai, thể hiện qua Luật đất đai 1993 và các luật đất đai sửa đổi, các thông tư, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành và về cơ bản đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước là đúng đắn, đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đất nước trong thời kỳ đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tình hình thực tế ở ĐBSCL.

- Từ thực tiễn tình hình giải quyết vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL trong thời gian 1992 - 2003 cho thấy, việc giải quyết vấn đề ruộng

đất phải gắn với luật và các văn bản hướng dẫn. Những bất cập giữa luật đất đai với các luật khác, các chính sách kinh tế - xã hội là một cản trở lớn và cần phải từng bước được cập nhật giải quyết nhằm thu ngắn khoảng cách. Chính sách đất đai phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý với việc công dân có “quyền sử dụng ruộng đất”, “quyền chuyển nhượng” và việc cấp giấy chứng nhận chủ quyền... Khuyến khích và tạo điều kiện cho nông dân “dồn điền, đổi thửa” tập trung ruộng đất theo chính sách của Nhà nước để phát triển sản xuất hàng hóa, mở mang ngành nghề; các hợp tác xã dịch vụ được giao đất, được thuê lâu dài.

- Giải quyết vấn đề ruộng đất phải gắn với tổ chức sản xuất trong nông nghiệp như bố trí cơ cấu kinh tế trong vùng, cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ tạo bước chuyển biến cho các liên kết sản xuất theo hình thức mới là hợp tác xã dịch vụ, xí nghiệp, công ty trong sản xuất nông nghiệp gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Vấn đề có tính đột phá, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong kinh tế nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL từ năm 1992 đến năm 2003 là từng bước khắc phục sự sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, chuyển sang sản xuất tập trung quy mô lớn. Và, tích tụ, tập trung ruộng đất là xu hướng khách quan trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL. Đây là môi trường, điều kiện thuận lợi cho ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... nhất là sử dụng máy nông nghiệp, giống cây trồng, nâng cao năng suất, hiệu quả và tạo nên sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, khối lượng lớn đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Quản lý Nhà nước về đất đai với 5 nội dung trọng tâm: Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính; Quản lý tài chính về đất đai; Quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản; Quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Quản lý các hoạt động dịch vụ công về đất theo *Luật đất đai năm 1993* là hoàn toàn phù hợp. Nội dung quản lý Nhà nước về đất đai được phát triển và từng bước hoàn thiện trong quá trình giải quyết vấn đề ruộng đất trong thời kỳ 1992-2003, đã góp phần quan trọng làm cơ sở để xây dựng và ban hành *Luật đất đai năm 2003*.

- Trong những năm 1992-2003, là đỉnh điểm của các tranh chấp, khiếu nại tố cáo về ruộng đất ở các tỉnh ĐBSCL. Tình hình tranh chấp ruộng đất ở đây không chỉ nói lên những bất cập trong quản lý, trong chính sách đất đai của Đảng, Nhà nước đối với vùng đất giàu tiềm năng mà còn là những bất cập trong các chính sách xã hội, mối quan hệ công dân.

Tình hình tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về quản lý, sử dụng đất đai tuy được Đảng, Nhà nước, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm giải quyết nhưng một thực tế là do tính chất, quy mô, mức độ các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề mang tính nhạy cảm nên ít nhiều có ảnh hưởng đến đời sống, chính trị - xã hội ở ĐBSCL.

Song thực tế cho thấy, giải quyết tốt vấn đề ruộng đất đã tác động mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL đạt đỉnh cao về diện tích, năng suất và sản lượng. Giá trị sản xuất trên một diện tích đất nông nghiệp ở ĐBSCL đạt trên 20 triệu đồng/1ha, tăng 55% so với năm 1990 (16). Với kết quả đạt được

ĐBSCL đã góp phần quan trọng bình ổn lương thực trong cả nước và góp phần đưa

Việt Nam vào nhóm các nước xuất khẩu gạo và nông sản hàng đầu trên thế giới.

CHÚ THÍCH

(1). Tổng cục thống kê, *Số đơn vị hành chính có đến 31-12-2007 phân theo địa phương*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2007, tr.11.

(2). Nghị quyết số 24, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khoá III, tháng 8-1975 về Cải tạo XHCN ở miền Nam.

(3). Nghị quyết 254 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khoá III, ngày 15-7-1976 về Những công tác trước mắt ở miền Nam.

(4). Minh Hải gồm hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu.

(5). Hậu Giang gồm 3 tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang.

(6). Nghị quyết 10 ngày 5 tháng 4 năm 1988, chủ trương: "Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và hộ xã viên,... Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phân công lại lao động theo hướng chuyên môn hóa, ai giỏi nghề gì làm nghề đó", "Nhà nước công nhận sự tồn tại và tác dụng tích cực của kinh tế cá thể, tư nhân trong quá trình đi lên CNXH, thừa nhận tư cách pháp nhân, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật,... ở những vùng còn nhiều đất đai, mặt nước chưa khai thác tùy tình hình cụ thể mà Nhà nước có thể cho thuê hoặc giao quyền sử dụng một số ruộng đất cho các hộ cá thể tư nhân để cho họ tổ chức sản xuất kinh doanh...".

(7). Nguyễn Thành Nam, *Vấn đề ruộng đất ở ĐBSCL (1975-1993)*, Luận án tiến sĩ, 1999, tr.103.

(8). Tỉnh ủy An Giang, *Báo cáo giải quyết đất đai và tình hình hợp tác hóa ở An Giang*, Số 143/BC, Long Xuyên ngày 30-10-1989, tr.4.

(9). Ban Kinh tế Tỉnh ủy Đồng Tháp, *Báo cáo sơ kết tình hình hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp*, năm 1990, tr.2.

(10). Tỉnh ủy Tiền Giang, *Báo cáo tình hình giải quyết tranh chấp đất đai trong hai năm 1988-1989, phương hướng giải quyết vấn đề ruộng đất trong thời gian tới*, Số 05/BC-TU, Mỹ Tho ngày 12-3-1990, tr.4.

(11). Tác giả thống kê từ: 1/ Tổng cục Thống kê, *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2003; 2/ Tổng cục thống kê, *Niên giám thống kê Việt Nam 2003*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2003; 3/ Tổng cục Thống kê (2008, 2009, 2010, 2012), *Niên giám thống kê 2009, 2010, 2012* trên trang www.gso.gov.vn; 4/Trần Quốc Toàn, *Đổi mới quan hệ sở hữu đất đai - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013; 5/ Viện Nghiên cứu địa chính, Trung tâm nghiên cứu chính sách pháp luật đất đai, *Các chủ trương văn bản quy phạm pháp luật mới về chính sách quản lý, sử dụng đất đai*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005.

(12). Tổng cục Thống kê, *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XXI*, tập 1, 2, 3, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2004, tr. 107-118.

(13). Tổng cục Thống kê: *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XXI*, tập 1, 2, 3, Nxb. Thống kê, Hà Nội 2004, tr. 107-118.

(14). Tổng cục thống kê, *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2006, tr. 27-45.

(15). Tổng cục thống kê, *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2006, tr.43.

(16). Tổng cục thống kê, *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2006, tr. 374-375.